

# LIÊN HOA

VĂN TẬP

THÁNG CHÍN ĐINH - DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

9



# LIÊN - HOA

## V Ặ N Ặ P

---

### M Ặ C Ặ C S Ặ 9

### R Ặ M Ặ H Ặ G 9 Đ Ặ N H - D Ặ U

---

CH Ặ N K H O V Ặ N G	<i>TH Ặ C H Ặ N H - C H Ặ U</i>
B Ặ N N H Ặ P P H Ặ P	<i>C. T.</i>
Đ Ặ I - H Ặ I T H Ặ - T H Ặ O . . .	<i>TH Ặ C T H Ặ N - Ặ N</i>
C Ặ C T H Ặ O L Ặ N . . .	<i>B Ặ c - s Ặ AN - LA - C H I</i>
T Ặ N G G Ặ I ( <i>Thơ</i> )	<i>H Ặ Y Ặ N - K H Ặ N G</i>
E M L Ặ M V Ặ I Ặ C T H Ặ I Ặ N	<i>Đ Ặ C - T H Ặ O N G</i>
M Ặ T C Ặ I Đ Ặ I . . ( <i>m Ặ u c h Ặ y Ặ n</i> )	<i>TH Ặ C N Ặ T H Ặ - Q Ặ N</i>
L Ặ N G Đ Ặ M	<i>TH Ặ C T R Ặ - K H Ặ N G</i>
H Ặ N H P H Ặ C V Ặ M Ặ C H S Ặ N G	<i>T H Ặ N H - T Ặ M</i>
D Ặ N H T Ặ P H Ặ T - G Ặ O	<i>Đ Ặ O Ặ N - H Ặ N H</i>
C H Ặ M B Ặ I . . .	<i>TH Ặ C H Ặ N H - C H Ặ U</i>
T Ặ N T Ặ C	

# CHÔN

# KHO VÀNG

**M**ỘT người đem chôn một kho vàng và nghĩ rằng: « Đến lúc cần, kho vàng này sẽ giúp ta nhiều; khi Vua sỏ tội tìm cách hại ta, khi bị giặc cướp phá, khi ta phải trả nợ, khi đồ ăn khó kiếm, khi gặp phải thời vận xấu.» Đó là những lý do khiến người đời này đem chôn kho vàng.

Tuy vậy, kho vàng ấy đều chôn cất kỹ lưỡng cũng không giúp ích một chút gì cho người chủ. Vì kho vàng ấy có thể biến mất tại chỗ chôn, hoặc tâm trí người chủ phiêu dăng [thành quên chỗ chôn] hoặc rần thần dời đi chỗ khác, hoặc các loài không phải người [phi nhân] cướp đoạt. Hoặc kẻ thù cho đến các bà con lấy trộm khi người chủ không gìn giữ. Bởi vì, một khi « đứ» người chủ bị hao mòn thời tất cả kho vàng của cái ấy đều tiêu diệt.

Chỉ có sự bố thí, chỉ có một đời sống chơn chánh, khắc kỷ, tự tại mới thật là một kho vàng chôn dấu kỹ lưỡng cho tất cả mọi người.

Kho vàng ấy không thể chuyển giao cho người khác, không thể bị giặc cướp trộm đoạt. Hỡi những người có trí, hãy làm điều thiện, đó chính là kho vàng luôn luôn theo bên mình.

Kho vàng ấy đem lại mọi sự an lạc cho loài Trời và loài Người. Với kho vàng ấy, tất cả ước nguyện đều được thành tựu, thực hiện.

Một nét mặt đẹp, một giọng nói dịu, sắc đẹp và duyên dáng, tráng lệ và hoa mỹ, đều nhờ kho tàng ấy giúp cho thành tựu thực hiện.

Uy uyền và thế lực, sự sung sướng được ngự trị trên vũ trụ một địa vị ai cũng ao ước, cho đến ngự trị trên các cõi trời giữa chư thiên đều nhờ kho tàng ấy giúp cho thành tựu. Sự giàu sang ở trên đời và mọi hạnh phúc ở cõi Trời, sự chứng quả Niết-Bàn đều nhờ kho tàng ấy giúp cho thành tựu.

Những ai có được thiện-hữu tri - thức, và nhờ tình thiện-hữu ấy, được trí huệ, giải thoát và tự tại. Mọi kết quả trên đều nhờ kho tàng ấy giúp cho thành tựu.

Trí giác sáng suốt, sự giải thoát tâm trí, mọi sự nghiệp toàn thiện của người đệ-tử, sự tự giác nhờ tự lực, cho đến sự giác ngộ của chư Phật, cũng đều do kho tàng ấy giúp cho thành tựu.

Một uy-lực tối cao màu nhiệm như vậy chỉ có sự Hành Thiện nghĩa là làm điều phải. Vậy nên tất cả những người sáng suốt và có học đều nên làm điều Phải.

#### Kinh Khuddaka Phatha



*Người đời chôn kho vàng, làm tường kho vàng ấy sẽ giúp nhiều cho mình trong cơn hoạn nạn, không hiểu rằng kho vàng ấy rất mỏng manh tan biến vô thường, nhiều khi trở lại làm hại người chủ. Cũng vì vậy mà ngài A-Nan đã so sánh kho vàng như con rắn độc hại người. Đức Phật dạy chúng ta rằng kho vàng quý báu nhất và thiết thực giúp chúng ta nhất là sự Hành Thiện nghĩa là làm điều Phải. Chỉ có kho vàng ấy mới không bị ai cướp đoạt, thường luôn theo bên mình và mới thiết thực đem lại an lạc hạnh-phúc vĩnh viễn cho người chủ. Hơn nữa, chính kho vàng Làm điều Thiện đó giúp người tiến dần trên con đường giải thoát tự tại, và đưa đến chứng quả Niết Bàn an lạc.*

Thích Minh Châu dịch và bản.

# BỐN NHIẾP PHÁP

**I. — LỜI NÓI ĐẦU** Đức Phật ra đời với một ý-niệm lợi-sanh. Cho nên trong tất cả phương-tiện giáo-hóa khuyến tu của Ngài, không một pháp-môn nào ra ngoài mục-dịch ấy.

Phật-tử cũng vậy, học Phật không những riêng giác-ngộ chớ mình, còn phải giác-ngộ cùng khắp tất cả, nghĩa là phải lợi-sanh.

Vậy muốn thực-hiện tinh-thần lợi-sanh Phật-tử cần phải học hiểu nghiên-cứu 4 nhiếp-pháp Bốn nhiếp-pháp là những phương-tiện giản-dị, căn cứ vào lòng từ-bi đề khuyến-hóa chúng-sanh tu học theo chánh-pháp

**II. — ĐỊNH NGHĨA :** Bốn nhiếp-pháp là bốn phương-pháp nhiếp-hóa chúng-sanh, nghĩa là bốn phương-tiện này ứng dụng trong mọi trường hợp và hoàn-cảnh, có công-năng nhiếp phục và giác-ngộ chúng-sanh.

## **III. — HÀNH-TƯỚNG BỐN NHIẾP PHÁP**

Bốn nhiếp pháp là : Bố-thí, ái-ngữ, lợi-hành, và đồng sự.

1) **BỐ-THÍ NHIẾP :** Nhiếp-hóa bằng cách bố thí. Bố-thí có ba phương-diện :

a) *Tài-thí :* Cũng gọi là Tư sanh thí. Nghĩa là đem của-cải giúp đỡ vào đời sống thiết-thực của chúng-sanh Tài có 2 :

1. — *Nội-tài :* Của-cải ngay trên tự thân như : bố thí thân mạng sức lực, lời nói, tư tưởng, ý-kiến v.v.,..

2. — *Ngoại-tài :* Của-cải ngoài tự thân như : Bố-thí tiền bạc, áo cơm, nhà cửa, thuốc thang vân vân.



b) *Pháp-thí* : Đem giáo-pháp chân-chính bổ-thí Pháp có 2 :

1. — *Diễn thuyết chánh-pháp* : Tùy theo căn-cơ nói pháp để chứng lý khuyên-tu.

2. — *Cúng-dường chánh-pháp* : Thiết-hành, kính lễ, tụng đọc Phật pháp để hồi-hương công-đức cho tất cả chúng-sanh.

c) *Vô-úy thí* : Bổ-thí đức vô-úy nghĩa là dùng tất cả các phương-tiện bổ-thí để chúng-sanh được bình tĩnh, không lo sợ trước mọi nguy-hiềm và biến cố. Vô-úy thí có 4 :

1. — Gặp khi đói kém ta đem của-cải áo cơm bổ-thí,

2. — Không làm ác gây hại chúng-sanh không bao giờ làm các điều ác, nào hại chúng-sanh, khiến chúng-sanh nghe tên thấy hình được khỏi các điều sợ hãi.

3. — Làm việc thiện mà lo sợ không thành, ta hãy bổ-thí bằng sức lực, ý-kiến hay của-cải để tán-trợ cho thành-tựu.

4. — Gặp tai nạn khủng khiếp ta hãy tìm phương giải-cứu.

5. — Sợ khổ sanh tử luân-hồi, ta phải giáo-hóa khuyến tu để cầu giải-thoát.

2) **ÁI-NGŨ NHIẾP** : Dùng lời nói từ hòa thân-mật và thành-thật để nhiếp-hóa. Ái ngữ có 3 :

a) Lời nói sáng-suốt rõ-ràng hợp chánh lý để cảm-hóa hướng dẫn người trở về đường thiện.

b) Lời nói hòa-nhã, hiền dịu để cảm hóa khuyến-khích và an-ủi.

c) Lời nói thành thật ngay thẳng không xao-quyệt để cảm-hóa và tăng trưởng lòng tín kính Phật, Pháp, Tăng.

3) **LỢI HÀNH NHIẾP** : Nhiếp-hóa bằng tất cả hành-động có lợi ích, Lợi-hành có 2 :

a) *Lợi-hành trong công việc* : Thật-hành hạnh tài-thí để tư trợ đời sống vật-chất cho mọi người, thật-hành hạnh pháp-thí để giáo-hóa mọi người và thật-hành hạnh vô-úy thí làm chúng-sanh được bình tĩnh an vui.

b) *Lợi-hành trong sự tấn tu* : Giữ giới thanh-tịnh, siêng tu thiền-quán, diệt trừ tham dục và đảo thái si-mê tội lỗi.

Lợi-hành trong công việc là đem lại lợi ích cho chúng-sanh, nhưng lợi hành trong sự tấn tu là tích cực lợi-ích chúng-sanh một cách sâu rộng, nhiếp hóa chúng-sanh một cách tự-tại.

4) **ĐỒNG-SỰ NHIẾP** : Cùng sống với chúng-sanh trong một hoàn cảnh, địa-vị, tư-tưởng, công việc đề cảm-hóa và nhiếp phục-Đồng sự có 4 :

a) Cùng sống trong một công việc như học tập, chức-vụ, thương-mãi vân vân...

b) Cùng sống trong một hoàn-cảnh như giàu, nghèo, sang hèn vân vân...

c) Cùng sống trong một địa-vị như chức-trước, quyền-vị v.v...

d) Chung sống một tư-tưởng như : Thượng tầng tư-tưởng, trung tầng tư-tưởng và hạ đẳng tư-tưởng đề cảm-hóa và nhiếp phục,

#### IV.— LỢI-ÍCH CỦA BỐN NHIẾP PHÁP

Ngoài công-năng hấp dẫn và nhiếp hóa, bốn nhiếp pháp còn có công-năng đem lại nhiều lợi-ích cho chúng-sanh :

1/ *Bổ-thí* : Chúng-sanh sẽ được 3 món giải-thoát :

a) Giải-thoát cảnh khổ bản cùng.

b) Giải-thoát tội chướng vô-minh trong đời này và nhiều đời.

c) Giải-thoát mọi nỗi lo sợ.

2/ *Ái-ngữ*.— Chúng sanh sẽ được 3 món tự-tại :

a) Được thâm nhập chánh-pháp.

b) Tiêu trừ tất cả phiền-não sâu khổ thường được tự-tại an-vui.

c) Được tăng trưởng tất cả công-đức thù thắng.

3/ *Lợi-hành*.— Chúng sanh sẽ được hai món tăng tiến :

a) Tăng tiến phước thiện trong tất cả hành-vi.

b) Tăng tiến đức độ trong tất cả ý-niệm.

4/ *Đồng sự* — Chúng-sanh sẽ được hai món thành-tựu :

a) Cải thiện tất cả hạnh nghiệp bất chính đề thành tựu hạnh nghiệp chơn-chánh.

b) Cải thiện tất cả ý-niệm và tập-quán bất thiện đề thành tựu ý-niệm, tập-quán thiện mỹ.

#### V.— KẾT LUẬN

Căn-cứ vào lòng từ-bi vô lượng của đức Phật thì lợi sanh là hạnh chính trong tất cả hạnh lành của đức Phật, là mục-dịch tối cao và duy nhất của đức Phật ra đời. Vì thế Bốn-nhiếp-pháp có một giá-trị đẹp-đẽ và tiêu biểu ý-chí cao rộng của đức Phật, cũng như có một giá-trị siêu việt trong tất cả các phương pháp lợi-sanh khác của Phật-giáo.

## *Đại-hội Thể-thao của thanh-niên*

# PHẬT-TỬ NHẬT-BẢN

**N**GUỜI đã bước chân lên đất Nhật, không ai không công nhận Nhật-bản là một dân-tộc có một trình-độ văn-hóa khả-quan trên thế-giới. Bên cạnh các thú vui nhân-tạo như thích âm-nhạc, yêu hội-họa, mến văn-thơ, người Nhật họ còn có những thú vui khác gần với thiên-nhiên hơn, như trèo núi, tắm biển, trượt tuyết v.v... Tóm lại, về phương diện tinh-thần thì trình độ giáo-dục cao, về phương-diện thể-chất thì thân thể tráng-khiến. Đó là kết quả của một lối giáo-dục có phương pháp của dân-tộc Phù-lang.

Về phương-diện tinh-thần xin để lại một dịp khác sẽ bàn đến. Ở đây, chúng tôi chỉ đề-cập đến vấn đề thể-chất mà thôi. Tại sao người Nhật phần nhiều đều có một thân thể tráng-khiến? Và tại sao trẻ con Nhật đều hồng hào, bụ bẫm, mạnh khỏe ít bệnh ít hoạn? Trả lời một cách vắn tắt cho câu hỏi này, là bởi người Nhật trong chương trình giáo-dục ở gia-đình, ở học-đường cũng như ở xã-hội họ chú trọng đến vấn-đề thể dục rất nhiều vậy. Cứ đi vào các ấu-tri-viện, các vườn hoa công cộng, các tiệm bán hàng lớn, cho đến các sân vườn của ngôi chùa v.v... Ở đâu chúng ta cũng thấy nhan-nhân cả những dụng cụ, những



đồ chơi. những vật để khuyến-khích cho các trẻ em trong vấn-đề thể-dục. Đó là chưa kể đến chương-trình thể-thao bắt buộc ở các nhà trường từ bậc Tiểu-học đến Đại-học, và cũng chưa kể đến chương-trình thể-dục công dân mỗi ngày do các đài phát-thanh quốc-gia điều khiển ấy.

Ngoài ra, xem các báo chí, nhìn trên television, nghe trong Radio, thì ta thấy không một ngày nào không có ít nhất là 10 cuộc thi đua thể dục như bơi lội, đua thuyền, đua xe đạp, đua ngựa, chạy bộ, đánh dã cầu, đánh tennis, đánh pingpong, đánh kiếm, vật judo, vật sumo, vật wrestling v.v. Chính những cuộc thi đua ấy là một lợi khí khuyến khích người Nhật-bản, nhất là các giới thanh-niên ham thể thao, chuộng tinh-thần thượng-võ vậy.

Song song với tinh-thần thượng-võ ấy, các hội Phật-giáo, nhất là các đoàn thể thanh-niên Phật-tử ở đây trong chương-trình tu-học họ để dành một phần rất lớn cho đoàn thể dục. Hơn ai hết, người Phật-tử Nhật-Bản nhận thấy rằng: chỉ khi nào họ có một thân thể thật tráng kiện mới đủ năng lực phụng sự Phật-pháp, phục vụ xã hội một cách có hiệu quả. Quan niệm này không riêng cho người Phật-tử tại-gia, mà các vị Tăng-già cũng đồng một quan niệm như thế. Cũng vì lẽ ấy nên các vị Tăng-già ở đây phần nhiều có một sức khỏe dồi dào, có thể làm tất cả những công-tác hữu-ích cho xã-hội, chứ không phải nhiều bệnh-hoạn, ốm-yếu như một số Tăng-già Việt-Nam!

Cuộc Đại-hội thể thao trong ngày 8-9-1957 vừa rồi là một khuyến khích lớn trong sự nỗ lực trau dồi sức khỏe để phụng sự Đạo của hội thanh-niên Phật-tử Nhật-bản. Hội thanh niên Phật-tử này là một tổ chức của hội Phật-giáo Nhật-liên-Tôn (Nichiren shohu), một tôn-phái rất thanh hành ở Nhật-Bản hiện tại. Ngày Đại-hội thể-thao này gồm có trên 100 đoàn-thể thanh-niên Phật-tử khắp trên toàn lãnh thổ Nhật-Bản về tham dự. Theo lời tường-thuật trên các báo chương như báo: Jeikyoshimbun, mainichishembun, Japan times Buddhiot times v.v... thì ngày đó đã có trên 10 vạn người đến tham dự.

Cuộc Đại-hội thể thao ấy được tổ chức tại sân vận động công-cộng của tỉnh Yokohama, một đô-thị lớn nằm kế liền với thủ đô Tokyo. Tuy đại-hội tổ chức có một ngày, nhưng với sự tổ-chức quá chu-đáo ấy, người ta nghĩ rằng ít nữa cũng phải sắp đặt, chuẩn bị mấy tháng trước là ít.

Nhất là các đoàn-thể thanh-niên Phật-tử ở xa, càng ở xa từng nào họ lại càng tổ-chức chu-đáo từng ấy. Có nhiều đoàn thể vì người đi tham dự quá đông, kể cả người đi dự các cuộc thi đua và người đi tán trợ, hưởng ứng, họ phải thuê riêng hằng 2, 3 toa xe lửa mới đủ chỗ. Ngoài ra, thì hầu hết các đoàn thể đều đi đến dự bằng thứ Kanko bus, thứ xe này đặc biệt dành riêng cho các đoàn thể tổ-chức để du lịch trong nước thuê, vì thế họ làm rất lớn và dài, có đủ tất cả tiện nghi, đồ dùng cho người đi xa khỏi chán mệt. Trong mỗi chiếc xe bus này ít nữa là cũng chứa được từ 150 người trở lên. Cứ tưởng rằng thứ Kanko bus này sắp hàng dài gần mấy cây số từ sân vận động trở đi, đó là chưa kể những đoàn thể ở trong 2 tỉnh Fokyo và Yokohama, họ đi đến dự bằng tàu hỏa thường bằng strut car, subwaz, xe bus công cộng ấy. Cứ xem như thế thì cũng đã tưởng tượng được sự đông đúc, rầm rộ, tấp nập và vĩ đại của ngày Đại-hội thể thao này rồi.

Đại-hội thể thao này là tổ chức chung cho cả hai giới nam nữ thanh-niên Phật-tử, tuy rằng mỗi giới có một chương-trình hoạt-động riêng. Các vị thanh niên Tăng cũng không thiếu mặt trong các hoạt-động này. Mỗi đoàn-thể thanh niên Phật-tử của một tỉnh là một đơn-vị, có một địa-điểm riêng, nhưng trong mỗi tỉnh có thể tham gia vào nhiều cuộc thi đua, tùy theo sở thích và chuyên-môn của mỗi đoàn-viên, tất nhiên là việc này được sắp đặt trước. Về bên nữ Phật-tử cũng như thế.

Trong chương trình của ngày Đại-hội thể-thao ấy, trước hết là một buổi lễ Phật công cộng. Vì người đi

tham dự quá đông, nên đoàn thể nào cứ đứng yên địa điểm đã chia sẵn của mình, hướng đến Phật-dài làm lễ mà thôi. Ai đã từng chứng kiến một biển người thanh niên trai trẻ đang gọi lòng mình về cảnh-giới Phật, trong nhịp trống trầm-hùng theo lời kinh uyển-chuyển hôm ấy, mới có thể hiểu được một phần nào lòng tin-ngưỡng kiên trung của người thanh-niên Nhật-Bản. Chấm dứt của buổi lễ ấy, là tất cả đều niệm lớn « *Mammo Myoho Renge Kyo* » (*Nam-mô Diệu-Pháp-Liên-Hoa Kinh*).

Tiếp theo là bài diễn-văn của Ông Hội-trưởng hội thanh-niên Phật-tử Nhật-Bản. Đại khái Ông nhấn mạnh rằng: « Đối-nội, về mục - đích khuyến khích các đoàn thể tinh-tấn tu-học, nhất là để khích-lệ các đoàn viên trong khi rèn luyện tâm đức theo tinh-thần từ-bi, tri-huệ của của đức Phật, không quên đến phần đào luyện thể xác cho tráng kiện, để đủ sức phục vụ quốc - gia xã-hội và đạo-pháp; đối ngoại, vì muốn khuyếch-trương thế lực của đoàn thể, và đề tỏ cho các đoàn thể khác hiểu rằng: đạo Phật không phải là một đạo chủ trương nhu-nhược yếm thế, không phải là một đạo chuyên dạy con người tu hành khổ hạnh để đi đến một kết quả thân thể suy vong, vì thế nên đại-hội thể thao này tổ chức. Mong rằng tất cả nỗ lực để đạt đến mục đích ấy ». Bài diễn-văn ấy được toàn thể hoan nghênh một cách nồng nhiệt.

Tiếp theo buổi lễ Phật và bài diễn-văn khai mạc ấy là chương - trình hoạt động. Đại đề của chương-trình hoạt động trong ngày hôm ấy là: tổ chức các môn thi đua, chú trọng đến sức khỏe dồi dào, nhanh nhẹn, tháo vác, chịu đựng như chạy đua, chạy chuyền nhau, vật judo, vật sumo, nhảy múa, kéo giây, lăn trái cầu v.v. Ngoài ra, còn có những trò chơi rất mới lạ, tôi chưa từng bao giờ thấy biểu diễn tại Việt-Nam. Các bậc phụ huynh cũng được mời vào tham dự những trò chơi lý thú, những cuộc thi đua nhẹ.

Ngoài những trò chơi ấy, thỉnh thoảng có điem vào những bài nhạc, những trò nhảy múa, ca hát giúp vui. Trong đó được khán-giả hoan hô nhiều nhất là đoàn nữ nhạc công. Thật vậy, ai mà không hoan hô cho được khi thấy một đoàn người gần 300 em nữ Phật-tử, đồng một sắc phục nhu-mi đạo-vị, cứ từng đội 10 người, cầm một nhạc khí riêng nhịp nhàng uyển chuyển vừa đi biểu diễn khắp cả sân vận-dộng, vừa tấu lên những điệu nhạc Phật hùng hồn, giải thoát? Thật tình tôi đã cảm-phục trước sự đào luyện công phu trong từng nét nhạc tinh vi của đoàn nữ nhạc công Phật-tử này.

Trong khi mắt mọi người đang chăm chú nhìn xem những trò chơi mới lạ, những môn thể thao tháo vác, lành mạnh; tai đang lắng nghe những bản nhạc Phật trầm-hùng đạo-vị của những người thanh-niên trai trẻ tin Phật ấy, thì trên không hai chiếc máy bay cứ bay liệng liên tiếp khắp cả các vùng lân cận thả xuống cho trần gian những điệu nhạc ca ngợi ánh từ-quang, đồng thời cũng tung ra vô số giấy truyền đơn ngũ sắc để truyền bá Phật-Pháp. Những mảnh giấy truyền đơn ấy bay rộng và bay xa theo chiều gió, rồi rơi xuống một nơi vô định xa xăm, tôi tưởng như đó là những cánh chim hòa-bình bay đi để làm dịu bớt những nỗi niềm đau khổ, ưu tư cho thế sự. Thỉnh thoảng hai chiếc máy bay ấy cũng không quên thả xuống giữa trung tâm sân vận động những món quà ngũ sắc, những đồ chơi, những thùng tặng phẩm trông rất đẹp mắt, để thưởng cho những đoàn thể đặc-thắng trong các cuộc thi đua.

Cảnh tượng của tỉnh Yokohama và các vùng lân cận, nhất là ở trong sân vận-dộng, hôm ấy thật là tung bừng, tấp nập, hào hứng. Có nhiều bà cụ già vì quá tin thành đối với Đạo pháp, họ không thể cầm được những giồng nước mắt sung sướng, khi nhìn thấy đang diễn ra trước mắt mình một cảnh tượng thanh bình thịnh trị, trong sự phục hưng thịnh-hành quá đời của Phật-giáo nước nhà.



Tóm lại, ngày Đại-hội thể thao của thanh-niên Phật-tử Nhật-Bản trong ngày 8-9-57 vừa rồi, đối nội đã gieo được cho đoàn-viên một tinh-thần thượng-võ đấu tranh trong tinh-thần từ-bi, trí-huệ của đạo Phật; đối ngoại, đã gieo được một ảnh hưởng rất lớn giữa quần chúng. Nói chung, ngày Đại-hội thể thao ấy đã đạt được một kết quả rất tốt đẹp, ngoài sự dự-tưởng của ban tổ chức. Và khi ra về không ai không tấm-tắc khen ngợi tấm lòng vì đạo, cùng sự tổ-chức chu-đáo hoàn-bị của đoàn thanh-niên con Phật ấy.

Nếu các đoàn-thể gia-đình Phật-tử ở Việt-Nam, thỉnh thoảng cũng tổ-chức những cuộc họp mặt vĩ-đại công cộng như thế này, thì lo gì tinh-thần tu học của đoàn-viên không lên, uy tín của gia-đình Phật-tử không mỗi ngày một lan rộng trong quần chúng.

*Viết tại Đông - Kinh, năm 1957.*

THÍCH - THIÊN - AN

## ***Kính cáo:***

Liên-Hoa năm nay đã gửi đến số 9 Nhưng còn một số độc-giả và đại-lý chưa thanh toán tiền về cho Tòa-soạn. Mong quý vị ấy thông cảm hoàn-cảnh của Tòa-soạn lưu ý thanh-toán gấp cho. Rất cảm ơn.

Những độc-giả dài hạn ngoại tỉnh xin gửi 120\$. Vì phải thêm tiền cước-phí.

Tháng 8 nhuận Liên-Hoa nghỉ xuất bản, số trước chưa kịp tin với quý độc-giả. Mong quý vị hoan-hỷ.

L. T. S.

# CUỘC THẢO LUẬN

CỦA

*Các Bác-sĩ ở Luân-đôn*

Bác-sĩ AN-LA-CHI thuật

Đ. T. dịch

## I. — Cuộc gặp gỡ

*(tiếp theo)*

Bác-sĩ Mạch-dịch-Tổn nói: Phải, phải, chính người ấy là Bác-sĩ Bá-khắc-Sum.

Lúc ấy ở Hội-trường có trên 150 vị Bác-học đủ các môn Triết-học, Khoa-học, Thần-linh học v. v. ... tất cả đều chăm chú nhìn vào Bác-sĩ Bá-khắc-Sum.

Sở dĩ Bác-sĩ Bá-khắc-Sum được mọi người đặc biệt chú ý như thế, là vì trước đây Bác-sĩ đã xuất-bản một tập sách nghiên cứu mới nói về « Triết-học duy-vật », tôn chỉ tập sách ấy là bài xích tín ngưỡng tôn-giáo, phá trừ thần quyền mê-tín, rất có giá-trị trên địa hạt khoa-học và triết-học. Các học-giả ở Anh-quốc đều khâm phục.

Cho nên đã 5 năm cách biệt, nay Bác-sĩ về nước với một hình-thức lạ lùng ấy, không những bạn bè quen biết

của Bác sĩ, cho đến những người nghe danh Bác - sĩ cũng đều ngạc nhiên và mừng rỡ. Trái lại, Bác-sĩ Bá-khắc-Sum vẫn thản nhiên, nở nụ cười từ hòa, nhẹ nhàng để chiếc bình-bát lại một bên, rồi chấp tay chào tất cả mọi người, hình như sự ngạc-nhiên của những vị hiện diện trong hội trường không lay chuyển được thái-độ bình tĩnh của Bác-sĩ.

Khi ấy các vị Bác-sĩ cao niên đứng dậy mời Bác-sĩ Bá-khắc-Sum ngồi, và tất cả trong hội trường đều lần lượt an tọa.

Bác-sĩ Á-thoại ba-Thoát đứng lên đề-nghị : « Hôm nay hơn Bác-sĩ Bá-khắc-Sum ông bạn thông bác của chúng ta, sau một thời-gian khá lâu du lịch tại Đông-phương nay mới về nước, lại trang-phục theo lối Sa-môn khất-sĩ ở Ấn-Độ, thỉnh linh vào hội trường, đã gây sự kinh ngạc lạ lùng cho tất cả mọi người, tôi đề-nghị đình chỉ cuộc diễn-thuyết qua ngày khác, hôm nay chúng ta nên mở cuộc nói chuyện thân mật với Bác-sĩ Bá-khắc-Sum, để hiểu rõ kết quả của ông bạn đã thấu thập trong thời gian du lịch, tưởng ông bạn Bá-khắc-Sum và quý-vị hiện diện đều vui lòng nhận lời? »

Bác-sĩ Á-thoại ba-Thoát dứt lời, mọi người đều vỗ tay hoan-hô đề-nghị ấy.

Trước hết Bác-sĩ Á-thoại ba-Thoát bắt đầu câu chuyện :

Thưa ông bạn Bá-khắc-Sum, sau khi ông Đông-du, các bạn ở Luân-Đôn không ai nhận được của ông một phong thư, do đó chẳng những chúng tôi không hiểu tình trạng ông du-lịch thế nào, mà chắc ông đối với việc ở Âu - Mỹ cũng không được tường tận. Tập sách « Triết-học duy-vật tân nghiên cứu » của ông đã xuất-bản đến lần thứ 17, các nước, Pháp, Đức, Mỹ v.v... sau khi dịch lại, cũng đã tái bản nhiều lần, không ai là không biết giá-trị tập sách ấy.

Bởi vậy, dù ông xa Châu-Âu lâu ngày, lòng ông có phai nhạt Châu - Âu, nhưng danh vọng ông càng ngày càng cao trên Đại-lục Âu Mỹ. Chúng tôi đang kỳ-vọng ở ông nối gót Đạt-nhi-văn nước ta, để làm rực rỡ nền quốc học trên thế giới, nay ông bỗng-nhiên lại hiện tượng một Sa-môn Khất-sĩ Ấn-Độ, không khỏi khiến người ta ngờ ông đã mắc chứng bệnh thần kinh. Sao ông không lo đến sự sụp đổ danh thơm tiếng tốt của ông!

Dứt lời, cử tọa trong hội trường đều bùi ngùi than thở.

Vẫn giữ vẻ mặt từ hoà, Bác-sĩ Bá-khắc-Sum thông thả đáp :  
Lão Bác - sĩ quá yêu, tôi xin đa tạ thịnh tình chiếu cố của Bác-sĩ. Tuy vậy, lão Bác-sĩ sợ người ta ngờ tôi là điên, chẳng hay nói năng cử động của tôi ở đây có gì là điên không ? hay chỉ vì dung-nghi lễ-mạo của tôi khác chăng ?  
Bác-sĩ Á-thoại ba-Thoát tiếp lời : không, đầu óc của ông không tán loạn, tinh-thần ông vẫn bình-tĩnh, đâu gọi rằng điên ? nhưng chỉ vì ông phục sức lạ lùng, theo hình dạng của những Khất-sĩ ở Ấn-độ.

— Thế thì lão Bác-sĩ đã nhìn nhận tôi không có mấy may gì bệnh thần kinh rồi. Thì ở đây tôi xin kể rõ : vì tôi có tính hễ nói đến lý thì tìm cho ra chơn lý; gặp đến sự thì tìm cho ra sự thật. Tôi không bao giờ muốn để cho xen lộn vào lý hay sự một tý gì hư vô giả dối, để lừa gạt người đời, lão Bác-sĩ và quý Bác-sĩ ở đây cũng tin chắc ở tôi như vậy. Trước đây tôi đã từng theo một con đường với lão Bác-sĩ và quý vị Bác-sĩ, cùng nhau trao đổi sự hiểu biết, cùng tôn thờ một chánh nghĩa, các Bác-sĩ ở đây và một số học-giã trong nước đều cho tôi là người hữu chí, đã cầm được một lá cờ trên nền học-thuật, thì tôi đâu mù-quáng, điên cuồng, tán tạn lương tâm, làm ra thế này, để gây sự thất-vọng và hồ-thẹn cho những người yêu mến tôi ? nhưng quý vị vẫn còn nhớ : mỗi khi tôi đưa ra



ánh sáng một việc gì, tôi thường cần nhắc kỹ càn, nghiên cứu tỷ mỉ, một thời-gian khá lâu mới thi-hành. Việc tu tập của tôi ngày nay cũng vậy, tôi đã nghiên-cứu tỷ mỉ, sở đắc chắc chắn, dù trăm ngàn học - thuyết hay thời thế đổi thay cũng không thể lay động lòng tôi được. Trông mong lão Bác-sĩ và quý vị đề ý cho diễm ấy, thì sẽ biết chỗ thâm thúy bên trong của tôi, và không cho việc làm hiện tại của tôi là mơ hồ, có hại cho thanh danh riêng và chung vậy. Nói đến tập sách «Duy-vật Triết-học tân nghiên-cứu» của tôi trước kia đã xuất-bản, hiện nay tôi hết sức hối-hận và thành tâm sám-hối việc làm ấy, đâu dám mong sự khen ngợi quá đáng của đời.

Bác-sĩ Ôn-đặc thức văn nói : Bác-sĩ Bá-khắc-Sum nói rất phải, chúng ta đây đã chủ-trương tự-tưởng tự do, mà Bác-sĩ Bá-khắc-Sum là người rất yêu chuộng tự-do, yêu chuộng chân lý, nay mạnh dạn mặt đờ Sa-môn, hành-động theo các Sa-môn, thế là đã thâu nhận ít nhiều kết quả xác đáng mà lâu nay đã tự-do khảo cứu. Vậy chúng tôi xin vui lòng chờ nghe Bác-sĩ kể lại tình hình trong 5 năm Bác-sĩ đã trải qua. Nguyên do vì sao Bác-sĩ lại trở thành vị Sa-môn của Phật-giáo? và những chơn lý Phật-giáo mà Bác-sĩ đã thâu thập được? Đây là những điều hứng-thú mà chúng tôi ước ao được nghe Bác-sĩ kể lại.

Khi ấy không-khí hội-trường trở nên nghiêm-trang, và mọi người đều nhìn Bác-sĩ Bá-Khắc-Sum bằng đôi mắt đầy cảm mến, hình như ánh sáng từ-bi đã bắt đầu toả khắp trong lòng mọi người ở hội trường vậy.

(còn nữa)

# TIẾNG GỌI CỦA HỒN THIÊNG

Gửi những bạn thanh-niên sắp làm Phật-tử.

Về đi anh! Quê hương nghìn năm cũ,  
Đất nước mình phong-phú lắm anh ơi!  
Lúa xanh lên, đồng ruộng ngập chân trời  
Chùa mình đó, ông cha mình để lại.  
Cho anh, cho tôi và cho mãi mãi  
Của toàn dân bất diệt ở mai sau.  
Cảnh ngoại-lai làm đất nước u sầu  
Tang thương quá, gây khổ đau nước Việt.  
Anh thấy không? — Quê hương dương tha thiết  
Đợi anh về tổ diêm lại nghìn xưa,  
Từ xa xăm còn lại một mái Chùa  
Anh phải giữ, phải tỏ bồi thêm sáng.  
Hồn đất nước dâng lên khắp đồng áng,  
Mái Chùa làng ấp ủ cả toàn dân.  
Vui say đi trong nếp sống tinh-thần  
Lòng tin-ngưỡng ghi sâu vào huyết-quản.  
Ách ngoại-lai làm dân mình ly-tán,  
Áp bức hoài nhưng lòng vẫn trung-kiên.  
Về mau anh! trong ánh sáng dịu hiền  
Toàn dân-tộc một niềm hằng mong đợi.  
Nghe không anh? — Hồn Thiêng Đất Nước gọi,

Tiếng chuông Chùa vang dội giữa không gian  
Từ Cà - Mâu cho đến ai Nam - Quan  
Án Phật-độ thấm nhuần khắp dân-tộc.  
Tôi biết anh là người không mất gốc  
Thương giống nòi, gìn giữ đạo ông cha.  
Chúng ta về trong đất nước quê nhà  
Hồn dân-tộc gắn liền hồn Phật-Giáo.  
Anh không sợ ngập ngừng về độc đáo,  
Vì toàn dân náo nức đợi chờ anh.  
Tay trong tay xây đắp dấy trường thành  
Ngăn gió chướng ngoài xa đà lan đến.  
Ôi đẹp quá! Mái Chùa xưa không di chuyển,  
Đá muốn đời đứng vững với thời gian  
Hình dáng thân yêu hòa hợp giang-san  
Trăm hương tỏa thêm vô vàn thấm thiết.  
Về mau anh! Hồn Thiên Đất Nước Việt  
Gọi anh về giao phận sự cho anh.  
Mái Chùa xưa tre bao bọc hiền lành  
Ngôi Đình cũ, muốn đời con dân giữ.  
Anh hiểu rồi, về đi! Không do dự  
Quyết một lòng bảo-vệ đạo tổ-liên  
Mái Chùa xưa đẹp quá sáng hơn lên  
Tổ-điền mái cho linh hồn dân-tộc.  
Uống nước nhớ nguồn, con dân nhớ gốc  
Dân-tộc trường-tồn, nhờ bóng Như-Lai  
Hỡi bao người ở thế-hệ ngày mai  
Hồn dân-tộc mỗi ngày thêm tươi sáng.  
Giữ nếp sống tiên-nhân là sứ-mạng  
Của những người yêu nước, nhớ quê hương  
Đem từ-bi mở rộng một con đường:  
Tình nòi giống bùng lên trong ánh đạo.

HUYỀN - KHÔNG

# MỘT CÁI IDẠI HAI NGƯỜI LÂM

THÍCH-NỮ THẾ-QUÁN

**H**OÀNG-ĐẾ Sùng-Tân dờ chén rượu trên tay Quý-Phi ngài âu yếm nhìn tân-nhân rồi chúm chím ngẫm :

*\* Bình sanh ngạo cốt lãng tăng thậm ; mỗi đảo dề đầu chỉ vị khang »*

Trầm đi giao-hiếu chuyển này là muốn thanh toán giang-sơn về một mối, đề ngày mai đây, khi đông cung Hoàng-Thái tử ra đời được tận hưởng vinh-quang, mà đó là điều Ái-Khanh mong muốn. Ngài uống cạn chén rượu của người yêu quý nhứt, trước khi lên đường.

Tiếng nhạc ngựa mỗi lúc một xa lãn, cờ xí mỗi lúc một mờ đi, nhưng Hoàng-quí-Phi Lệ-Hoa còn tựa bên rèm trúc như một pho tượng. Chao ôi ! cái buồn của con người đẹp, thật ra vẫn chương không thề nào tả cho hết được. Nàng cứ đứng, cứ đứng vậy cho đến khi hoàng-hôn xuống, đề liền tưởng lại những ngày nào nàng được tuyền vào thâm cung và nhờ cái nhan sắc lộng lẫy kiều-my nên được nhà vua rất sủng ái, thêm vào đó một tin mừng tuyệt đối, là Hoàng-hậu chưa có con trai, mà nàng lại sắp đến ngày sanh hạ. Cái đặc điểm thứ hai của đời nàng là được Hoàng-hậu cũng thương yêu nàng như một người em gái. Không biết Hoàng-hậu có phải là người đàn bà khoan dung độ lượng hay không ? nhưng nhờ đức tánh nhu thuận của Quý-phi, nàng không như những người đàn bà khác được chồng yêu mà lên nước hờn lảo với chánh-cung. Vì vậy nên Hoàng-hậu mến yêu Lệ-Hoa cũng không lạ.



Hôm nay nhà Vua phải tự thân đi giao-hiếu với một nước lân-bang mà mục đích lại vì tương lai của mẹ con nàng, thật cái thâm ý của một ông Vua đa tình như vậy nàng nói sao cho hết nỗi mừng lo.

Đã một tuần nay, từ khi nhà Vua ngự du, Hoàng-hậu rất dỗi lo ngại cho Quý-phi, vì biết Quý-phi gần ngày sanh nở mà phải lo âu nên Hoàng-hậu đề ý săn sóc sức khỏe của người bạn chung chồng ấy.

Trước điện Trinh-Tĩnh của Hoàng-hậu đã vắng nay lại vắng hơn, vì Bà thường qua cung Quý-phi đề săn sóc và nói chuyện cho Quý-phi đỡ buồn đỡ nhớ. Một hôm Hoàng-hậu và Quý-phi ngồi nói chuyện tâm tình. Mà cát lệ người mình đã yêu thì trong câu chuyện quanh quẩn thế nào cũng lại nhắc đến người yêu mình. Vì thế nên hai chị em nói chuyện trên trời dưới đất chỉ một chặp, rồi Quý-phi cũng khơi chuyện nói đến đức Vua — Tâu Hoàng-hậu! từ ngày thần thiếp được vào châu hầu Hoàng thượng, tiện thiếp lại được Hoàng-hậu mở lượng hải hà bao dung quảng đại, nên trong cung khuyết cũng được trong ấm ngoài êm. Tiện thiếp lại được Hoàng-hậu thương yêu như em ruột, tiện thiếp thật không biết tâu lên lời gì đề tỏ lòng tri ân Hoàng-hậu; nhưng trong thời gian hơn một năm nay không biết có khi nào Hoàng-thượng phân nần tiện thiếp đều chi với Hoàng-hậu không? tiện thiếp chỉ sợ lúc châu hầu sơ suất mà ngu muội không biết chăng? xin Hoàng-hậu chỉ vẽ thêm cho Nghe tâu, Hoàng-hậu tỏ vẻ cảm động, Bà dịu lời an-ủi: không, không khi nào Hoàng-thượng phân nần về tánh tình của em cả, trái lại Hoàng-thượng còn tán thán đức hạnh của em lắm. Chính chị cũng vậy, chị cũng phải công nhận em là một người hiền thực đoan chánh biết ăn ở nhơn hậu, thật vua ta có phúc lớn mới được một vị Hoàng-quí-phi xứng đáng như em. Nhưng có một điều — Quý-phi nín thở đề nghe Hoàng-hậu nói cho rõ. Hoàng-hậu nhìn Quý-phi với cặp mắt âu yếm, rồi Bà chúm chím cười. Lệ-Hoa lo ngại — Nhưng Hoàng-thượng có ban chơi với chị rằng: em thì chị cũng được cả, chỉ một điều bị cái lỗ mũi hơi tẹt. Hoàng-thượng lại ban: mũi tẹt là giống bản tiện không thể cao quý được. Quý-phi choáng-váng, trán nàng nổi lên từng giọt mồ-hôi, nàng thấy như trời sụp xuống, rồi tối tăm cả lại. Hoàng-hậu hỏi hận cho sự lỗ lời của mình, Bà mới an ủi: em hỏi thì ưng chị nói thật, mà nói thật thì em buồn như thế làm chị cũng ăn-năn, nhưng chị có một cách làm cho em hết tẹt mũi liền,

em hãy bình tĩnh lại chị sẽ bày cho. Quý-phi mừng quá, nàng tin tưởng ở lòng cao thượng của Hoàng-hậu, nên khi nghe Hoàng-hậu hứa sẽ bày cách làm cho hết tẹt mũi, Lê-Hoa như người bệnh nặng mới được linh-dược, nàng trầm-tĩnh lại ngay, và chăm chú nghe.

— Hoàng-hậu bảo: chị có cách này làm hết thấy mũi tẹt mà em lại duyên dáng thêm. Khi nào em hầu Hoàng-thượng thì em giả dò lấy khăn tắm nước hoa phe phẩy trên mũi như che che vậy. Hoàng-hậu vừa nói vừa lấy khăn bắt tờ hồng che che trên mặt của Hoàng-hậu. Quý-phi quả thấy Hoàng-hậu đề cái khăn ấy lên mặt lại càng tăng vẻ đẹp bội phần.

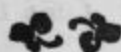
Thế rồi ngày đêm mãi miết, Quý-phi theo vô số là khăn: màu hồng đậm, màu hồng nhạt, màu trắng tinh như tuyết, màu xanh phớt như mây, nàng sai người đi khắp lựa những thứ hàng mịn như tơ đầu-la-miên (một thứ lụa rất mỏng mịn) nàng theo đôi bướm đậu, đôi chim chung cành, cái nào cũng có ý nhị cả; thêm vào đó mấy trăm chai nước hoa quý. Rồi nàng đứng trước gương chạm rồng, nàng phe phẩy cái khăn che che cái mũi, tự thấy mình duyên dáng thêm, lộng lẫy thêm, nàng càng cảm phục thâm ân và cao kể của Hoàng-hậu.

Tiếng lệnh phát rồi tiếng ca khai hoàn, Quý-phi đón người yêu với hai nỗi mừng, vì lần này không sợ nhà vua chê mũi tẹt nữa.

Lại một tuần sau, đức vua xuống thăm chánh cung Hoàng-hậu.

Trong câu chuyện hàn huyên, rồi đức vua cũng như Quý-phi thán thán trước, nghĩa là ưa nói đến chuyện của người mình yêu, nên nhà vua nói đông nói tây chỉ lơ-là rồi rốt cuộc cũng dờ đến cái vấn đề Quý-phi; ban đầu theo lối xã giao đức vua cũng tán thán Hoàng-hậu cần thận, sau cùng vua hỏi: trầm đi hơn một tháng Hoàng-hậu hay qua lại cung Quý-phi để chuyện trò cho Quý-phi đỡ buồn, thật thâm tình của Hoàng-hậu đối với trầm vô hạn; nhưng không biết trong khi chị em tâm sự Quý-phi có phần nào chi về trầm với Hoàng-hậu không? Muốn tâu bệ hạ: Quý-phi luôn luôn tán phục ơn cao đức dày của Bệ hạ khen ngợi bệ-hạ là một vị minh-quân thánh-đế. Còn đối với Quý-phi, thì một niềm yêu cung — Quý-phi thật không còn dám cao vọng chi hơn nữa. Đức vua sung sướng hiện cả trên sắc diện. Phải, còn chi vui bằng được người yêu khen mình. Nhà vua xuống các tuần trước hỏi

mn đã chệnh choáng. Hoàng - hậu dịu dàng tâu tiếp : nhưng có một điều : đức vua nín thở để nghe, hình như Thiên tử khi nào cũng có tính đa nghi nên đến chữ « Nhưng, một điều » thì nhà vua phát nghi. Thấy Hoàng - hậu áp ứng. Vua hỏi : nhưng một điều chi hở Hoàng-hậu ? Tâu bệ hạ : Quý-Phi có phàn nàn rằng : bệ hạ hỏi quá, Vua liền đỏ mặt tía tai. Hừ nó chê trầm hỏi ? — muôn tâu Bệ-hạ Quý-phi còn dại nên nói cũng quá lời, thần thiếp nghe mà phát tức. Nó chê trầm hỏi sao ? Tâu Bệ-hạ ! Quý-Phi nói : Thiên tử chi mà hỏi như mùi chuối chết — Trời ơi ! Vua hét lên và truyền Thái-giám kêu đao phủ quân đem cờ lệnh tiền qua ngay cung Quý-phi xẻo quách cái mũi, trong lúc Thái-giám đi rồi, vua mới bớt giận và bảo : à, hèn chi một tuần nó qua hầu trăm, khi nào nó cũng bịt lỗ mũi và ướp nước hoa, con bé này láo thật, dám chê trầm hỏi chớ,



### LỜI BÀN :

*Người đàn bà khi sinh yêu và danh-vọng bị kẻ khác chiếm mất, mà người ấy lại không một chút đạo đức, không sợ nhơn quả tội báo, thì thật không một việc ác chi mà họ không làm, để hạ thủ kẻ tình địch, như bà Hoàng-hậu trong câu chuyện này.*

*Đáng tiếc thay ! giá như bà Hoàng - hậu kia biết đạo đức một chút, sợ nhơn quả tội báo một chút, để xoay cái thương giả thành thương thật, thì có phải danh lưu muôn thuở không ? Có đâu đến nỗi tạo nên tội ác, tiếng ác độc đến nay vẫn còn, chị em phụ nữ mỗi khi đọc đến câu chuyện này, không ai mà không nguyền rủa, con người gian ác kia vậy.*

*Nhưng câu chuyện này còn cho chúng ta thấy : ngoài cái việc bà Hoàng-hậu độc ác sâu sắc kia ra ; thì có hai nhân vật cùng bị một cái dại như nhau là : tại làm sao ? hai người (ông vua và Quý-phi) tha thiết yêu nhau, mà không trực tiếp hỏi nhau, để chỉ cho nhau những điều lầm lỗi, lại tò mò đi hỏi kẻ khác ? Vì cái dại ấy, nên kẻ trung-gian mới có cơ hội dùng lời nói ly - gián đôi bên, để trả thù riêng. Câu chuyện đây thật là một bài học cho chúng ta thấy « Cái tánh tò-mò hay hỏi dò-la » là một cái nguy hại vậy.*

*Danh từ :*

# Phật-Giáo

(*Kinh A Di Đà*)

ĐOÀN-HẠNH trích dịch

(*tiếp theo*)

**Trưởng lão xá lợi Phật.** — tuổi cao đức trọng gọi là trưởng lão; lại cũng gọi là Tôn giả, là bậc được mọi người đều tôn kính.

Xá-lợi-Phất: tiếng Phạn là Sariputra, dịch là Thu-tử.

Trong hàng Thanh-văn, ngài là bậc trí-tuệ đệ nhất.

**Ma ha Mục-Kiền-Liên.** — tiếng Phạn là Ma ha Moggallāna, dịch là Đại-Thái-thức-thị. Ngài là bậc có thần-thông đệ-nhất.

**Ma ha Ca-Diếp.** — Tiếng Phạn là Maha Kāyapa dịch là Đại-Âm-quang, thân ngài chói ánh sáng vàng; được đức Phật truyền y và bát cho làm Tồ-đệ-nhất. Ngài là bậc tu hạnh đầu-dà. Một phương pháp tu kham khổ và rất mau diệt hết tham dục.

**Ma ha Ca Chiên Diên.** — tiếng Phạn Mala Ktyana dịch là Đại-văn-sức. Ngài là bậc có tài giảng diễn đệ-nhất.

**Ma ha Câu-hy-La.** — tiếng Phạn là Maha Kāsthila dịch là Đại-tất, là bậc có tài vấn đáp đệ nhất.

**Lý bà đa.** — tiếng Phạn là Revata, dịch là Tinh tú, ngài là bậc tu thiền-dịnh không bị rối loạn.



**Châu-lợi Bàn-đà già.** — tiếng Phạn là Ksudrapanthaha dịch là Kế-đạo. Do chỉ quan-sát một bài kệ mà thành đạo, ngài có tài biện luận giỏi vô cùng, cho nên Ngài là bậc tri-nghĩa đệ nhất.

**Nan-đà.** — Nanda, dịch là Hỷ. Ngài là em một cha khác mẹ của Phật, là một bậc có dung mạo đẹp đẽ đệ nhất.

**A-nan-đà.** — tiếng Phạn là Ananda, dịch là Khánh-hỷ, ngài sinh vào ngày đức Phật thành đạo, là em con chú của Phật, khi đi xuất gia được làm thị giả luôn luôn gần Phật, Ngài là bậc Đa-văn đệ-nhất.

**La Hầu-La.** — tiếng Phạn là Rahura, dịch là Phú-chương, là Thái-tử của Phật. Ngài là bậc có những đạo hạnh bí mật đệ nhất.

**Kiều-phạm ba-đề.** — tiếng Phạn là gavampati, dịch là Nguru-từ, vì ngài mắc một tội ác khẩu ở kiếp trước, mà kiếp này còn phải chịu quả báo, miệng cứ nhai luôn như trâu ăn cỏ. Vì dư báo ấy, ngài thường ở trên các cõi trời để tránh sự nhạo báng của mọi người, ngài là bậc được hưởng sự cúng dường của cõi trời đệ nhất.

**Tân-Đầu-Lư-Phả-La-Đọa.** — tiếng Phạn là Tindola Tharadvaja, dịch là Bất-động lợi-căn. Ngài ở lại thế gian rất lâu dài để thọ sự cúng dường trong đời mạt-pháp, như một thửa ruộng tốt để mọi người gieo vào những hạt giống phúc-đức. Vì thế, ngài là bậc Phúc-diên đệ-nhất.

**Ca-Lưu-Đà-Di.** — tiếng Phạn là Kalodayin, dịch là Hắc-quang, thân ngài đen và sáng ngời như hào quang. Ngài là vị sứ-giả rất đặc lực của đức Phật, và cũng có tài thuyết pháp giáo hóa đệ nhất.

**Ma ha Kiếp-Tân-Na.** — tiếng Phạn là Maha Kapphina dịch là Phòng-Tú. Ngài là bậc có tài xem thiên văn đệ nhất.

**Bạc-Câu-La.** — tiếng Phạn là Vakkula, dịch là Thiện-dung. Ngài là bậc sống lâu đệ nhất.

**A-Nâu-Lâu-Đà.** — tiếng Phạn là Aniruddha, dịch là vô bần. Ngài cũng là em con chú của Phật, là một bậc có thiên-nhãn, con mắt nhìn xa đệ nhất.

**Bồ Tát Ma Ha Tát.** — tiếng Phạn đọc là Boddhi Sattvaya Maha Sattvaya (Bồ đề tát-đỏa bà gia, ma ha tát-đỏa-bà-gia), dịch là Đại-đạo-tâm thành-tựu-hữu-tinh. Nghĩa là một bậc có đạo tâm rộng lớn, vận dụng cả hai tâm Từ-bi và Trí-tuệ làm cho các loài hữu-tinh đều được thành tựu đạo bồ-đề.

**Văn-Thù-Sur-Lợi-Pháp-Vương-Tử.** — Văn-Thù-Sur-Lợi tiếng Phạn là Manjusiri, dịch là Diệu-Đức, Diệu-cát-tường. Trong hàng Bồ-tát, ngài là bậc có trí tuệ đệ nhất. Pháp vương: ông vua của Chánh-pháp, tức là đức Phật. Ngài Văn-Thù-Sur-Lợi có thể nối được nghiệp của đức Phật, nên được gọi là Pháp-vương-tử: con đấng Pháp vương.

**A-Dật-Đa Bồ Tát.** — tiếng Phạn là Ajita, dịch là Vội năng-thắng, là một tên riêng của ngài Di-lặc Bồ-tát. Di-Lặc tiếng Phạn là Maitreya. Vô-năng-thắng nghĩa là trí lực tự tại của ngài không ai thắng nổi. Ngài là Giáo-chủ của tôn Pháp tướng Duy-thức học, hiện ngài đang ở trên cõi trời Đâu-suất giảng Duy-thức. Ngài sẽ thành Phật sau đức Phật-Thích-Ca ở cõi Ta-Bà này.

**Càn-Đà-ha-Đề-Bồ-Tát.** — tiếng Phạn là gandhahastin dịch là Bất-Hưu-tức; không hề dừng nghỉ. Ngài là một vị bồ-tát tu hành lâu đời lâu kiếp chẳng hề dừng nghỉ.

**Thường-Tinh-Tiến Bồ tát.** — là danh hiệu của một vị bồ-tát tinh tiến làm mọi công hạnh lợi ích cho mình và chúng sinh, không lúc nào mỗi mệt, chán nản.

**Thích-Đề-Hoàn Nhân.** — tiếng Phạn là Sakradeva nam Indra, dịch là Năng-vi-chúa hay Năng-thiên-chúa (hay làm chúa các cõi trời) là một vị Thiên-vương ở cõi trời Đạo-lợi trên đỉnh núi Tu-di.

**Vô-Lượng-Chư-Thiên.** — Rất nhiều các vị ở các cõi trời đến nghe Phật thuyết pháp.

**Thập-Vạn-Ức-Phật-Độ.** — Mười vạn ức cõi Phật là chỉ cho con đường từ cõi Ta-bà đến cực-lạc rất xa xuôi.

**Cực-Lạc.** — tiếng Phạn là Sumati (tu-ma-đề) Tàu dịch là Cực-lạc, An-lạc, Diệu-ý, An-dưỡng, Thanh-thái v.v... nghĩa là một cõi nước rất yên vui an ổn, hoàn toàn không có những sự khổ đau.

**Thất-Trùng-Lan-Thuần.** — Thất-trùng (bảy lớp): tiêu biểu cho bảy khoa Đạo-phẩm: 1) Tứ niệm xứ, 2) Tứ chính căn, 3) Tứ như ý túc, 4) Ngũ căn, 5) Ngũ lực, 6) Thất giác chi, 7) Bát chính-đạo. Lan thuần: là lan-can.

**Thất-Trùng-La-Vông.** — bảy lớp lưới giăng trên các ngọn cây.

**Thất-Trùng-Hàng-Thọ** — bảy lớp hàng cây mọc ngay thẳng, bằng nhau. Bảy lớp lan-can và hàng cây này cứ từng lớp từng lớp xen nhau; ở trên những ngọn cây và lan can lại có những lớp lưới giăng tất cả đều bằng các thứ châu báu tạo thành trông rất đẹp.

**Tứ-bảo.** — bốn thứ quý báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa-cừ. Bốn thứ này tiêu biểu cho bốn đức: Thương, lạc, ngã, tịnh.

**Thất-Bảo-Trì.** — ao bằng bảy báu. Bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa-cừ, xích-châu và mã-nã. Nghĩa là mọi cảnh vật ở bên Cực-lạc từ hàng cây, lưới giăng, lan can, cho đến hồ ao, đều là tứ bảo, thất bảo tạo thành cả.

(còn tiếp)

ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG

**LIÊN-HOÀ VẤN TẬP**

Là góp phần xây-dựng Phật-Giáo  
nước nhà.

# LÒNG ĐÊM

T U Y B Ú T C Ủ A  
T R Í - K H Ô N G

Tống HUYỀN-KHÔNG  
tác-giả NHỮNG ĐÊM TRĂNG

**T**ại sao người ta thường ca ngợi trăng ? Phải chăng đó là thói thường của các Thi-sĩ ? Phải chăng trăng là tượng trưng của trong sáng, của hòa dịu ? Với tôi, trăng đẹp thực, nhưng chỉ là cái đẹp phù - phẩm !

Đã có ai bỏ hàng giờ ngắm đêm đông đen ngịt không một vầng trăng, không một ngôi sao ? Đêm đen trinh-tuyệt, không phù-phẩm, không vờn đục : một cái đẹp vĩnh-viễn hơn Jean Cocteau, thi-sĩ hiện đại trú danh Pháp cũng đồng ý này : « Loài Satan rất tinh-thuần vì chúng chỉ làm các điều ác ». Cocteau không chịu giải thích thêm một tí nữa. Tại sao ta biết chúng chỉ làm các điều ác ? Phải chăng những hành động của chúng bị ta phi nhổ, hay phải chăng vì cái hỗn tạp thiện chen vào ? Con người thường quá dễ dàng, chê cái người ta chê, và khen cái người ta khen, con người là bộ máy, là một xã-hội không hồn của Satre.

Nhìn đến ánh trăng, tôi lại nghĩ đến những kẻ quấy rầy cho cuộc sống thuần-túy Purité, theo quan-niệm của Cocteau. Tôi ghét nhìn những bức tranh nhiều màu sắc : tượng - trưng của một tâm-



hồn phiến - toái, và vắn vơ không có lối đi. Ánh trăng, dù là ánh trắng rằm, chỉ gây thêm sự phiến-toái và cái phù phiếm của cuộc sống. Đêm, cái đẹp vĩnh-viễn hơn, hùng-hồn hơn và cao thượng hơn: lòng đêm chứa đầy ý-nghĩa sâu rộng, huyền-bí. Ngắm đêm đông, lòng tôi có bồn chồn không? Tư tưởng tôi có xao-động không? Không? Tôi thấy yên lặng, thanh-bình, trầm-lặng để tìm một lối đi, hay nói cho đúng hơn để tiếp-tục cuộc hành-trình.

Phần đông chúng ta mong cho đến sáng, vì chúng ta không biết lợi dụng lòng đêm. Con người là một thú-vật dễ bị tiêm-nhiễm nhất. Thói quen của họ khó mà gạt sạch được. Và chính vì thói quen đó nên mỗi khi gặp một cái gì khác, họ vội vòng đã-đào, hay quay lưng lại không thèm nhìn. Tại sao chúng ta không can đảm đứng dừng lại vài phút để ngắm tận-tường hình ảnh quát-lạ kia. Tôi cả quyết rằng: sau một thời gian ngắm nghĩa, họ sẽ yêu mài - miệt hình hài quái-gờ ấy: Lòng đêm!

Những đêm đông, lúi-thúi trên đường phố tối, tôi đã phát câu lên trước ngọn đèn điện sáng lòa hình ảnh những ngọn điện trong phòng tra tấn — Sao mà lóa-lò và khả-ố thế? Sao không để cho ta những phút tự-do trầm-lặng?

Ông bạn H.K. của tôi năm quên ở vườn ông Thượng vì trăng, ông với N.H. năm xây lưng lại tức giận nhau trước sân chùa Phước-Hải Nam-Định, cũng vì trăng. Tội của trăng thật lớn, nhất là đối với ông bạn dễ tiêm-nhiễm của tôi, cũng như kẻ si tình trước duyên thắm mặn-mà của cô gái đẹp.

Ở lòng đêm tôi không tìm an ủi. Tôi khám phá, tôi đào bới: Tôi là chủ nhân ông.

Ở trăng, người ta tìm cái hiền dịu để san phẳng đau khổ của tâm - hồn, của cuộc đời, người ta trở thành nạn nhân của xã-hội, người ta dương van nài một tình thương từ cung trăng rơi xuống!

Lòng đêm, hãy gắng chịu đựng sự tò mò của ta. Ta cảm ơn người vì người trinh-tuyệt hơn, quả-cảm và phục-vụ hơn.

**V**IỆC thiện, việc thiện nghĩa là gì các em nhỉ? Nói đến việc thiện chắc các em sẽ nghĩ đến «Sự cho» Nhưng có phải là đem tiền của để giúp kẻ khác mới gọi là làm việc thiện đâu. Vậy hôm nay anh sẽ nói chữ «Việc thiện» cho các em rõ.

**I.— Định nghĩa việc thiện**

Việc thiện, nói nôm na là làm việc lành. Làm việc lành nghĩa là sao? Nghĩa là làm thế nào cho kẻ khác, đỡ bớt sự khổ và thêm sự an vui.

Em cho người hành-khất một đồng bạc như thế, họ đỡ một miếng ăn, em đã làm cho người ấy bớt khổ. Nhưng mà làm được. Các em sống dưới sự áp ử của Ba, má làm gì có sẵn tiền? Không phải thế đâu em, việc thiện có nhiều cách.

**EM LÀM  
VIỆC THIỆN**

nếu việc thiện chỉ là đem tiền của mà giúp người, có lẽ các em sẽ phàn vãn lắm, vì như vậy em khó

**II.— Cách làm việc thiện**

Đem tiền của giúp người đói rét là một việc thiện đã đành, em nhặt chiếc gai ném vào bụi, đó cũng là một việc thiện. Vì như vậy em đã làm cho nhiều người khác khỏi phải đạp cái gai ấy, em đã đem sự an vui đến cho họ.

Một người mù đang sờ soạn tìm lối đi, em lễ phép đến dẫn họ. Người bạn em đang có điều gì buồn bực, em đến thân mật dịu dàng an ủi bạn. Một em bé mồ-côi đang sầu thảm vì cô quạnh lạnh-lùng, các em hãy đến dùng lời dịu ngọt vỗ-về, các em hãy cùng chơi, cùng hát, đem

tất cả sự vui thú gieo vào lòng em bé ấy để dịu lòng đau khổ cũng là việc thiện. Một bác phu đang cố sức đẩy chiếc xe chất đầy đồ đạc lên dốc, các em xúm nhau lại đẩy hộ cho bác; một em nhỏ bị ngã em đến nâng dậy. Một người lạ hỏi thăm đường, hỏi thăm nhà, nếu em biết chỉ bày rõ ràng và lễ phép. Và còn biết bao việc nữa... Tất cả đều là việc thiện. Nói tóm lại, một việc gì làm cho một người khác bớt sự khổ sở đều là việc thiện cả.

Nhưng chưa đủ, theo điều luật thứ ba của các em: « Em thương người và loài vật » Vậy việc thiện không chỉ hạn định trong phạm vi nhỏ hẹp là giúp người, mà còn giúp loài vật nữa. Kìa con chim sẻ xinh xắn vô tội kia đang vùng vẫy kêu gào trong bàn tay của đứa bé tinh nghịch và độc ác. Nó đang tìm mọi cách để thoát chết, một cái chết vô cùng ghê rợn, người ta sẽ nhốt trụi lòng nó, người ta sẽ hui nó vào đồng lửa. Nếu không thế, thì cũng bị giam cầm trong chiếc lồng nhỏ hẹp và không biết đời nào được trở lại tung hoành tự-do giữa khoảng trời mây non nước. Trong lúc đầu óc đang quay cuồng để tìm kế thoát thân, chim bỗng sung sướng khi nhìn thấy một bóng áo lam, một Oanh-vũ. Kẻ ân-nhân của nó. Người đã từng vì lòng từ bi mà cứu sống cho những con chim xấu số ấy. Chim hét to để gọi em đấy. Em có một đồng bạc ư? hãy đổi cho đứa bé khốn nạn kia để lấy con chim, đoạn em tránh xa đứa bé ấy, em niệm danh hiệu đức Phật cầu nguyện cho nó, và từ từ mở bàn tay dịu hiền cho chim cất cánh tung bay. Đó cũng là một việc thiện. Chính em đã giải thoát cho chim khỏi sự đau khổ.

Đi đường em đề ý, không chạm lên hàng kiến đang bò ngang qua lối đi, như thế cũng là một việc thiện đấy em ạ.

Nói đến việc thiện thì nhiều lắm, làm sao kể cho xiết, và mọi người bất cứ tuổi nào ai cũng có thể làm được cả. Nhưng em cần phải biết làm việc thiện như thế nào.

### III.— Làm việc thiện như thế nào ?

Có phải rằng khi em có đồng bạc muốn cho người hành khất là em chỉ việc vất vào nón họ ư? Không phải thế, em phải kính cần đưa hai tay và ân cần nói: «Con chỉ có đồng bạc ông vui lòng cầm lấy» Như trên đã nói: làm việc thiện là làm thế nào cho kẻ khác đỡ khổ và được vui. Nếu em tỏ vẻ hất hủi họ, thì tuy về vật chất em có cho, nhưng về tinh thần em đã làm họ phải tủi. Hoặc giả khi em giúp ai một điều gì, em lấy làm hãnh diện và tự kiêu cho rằng ta đã làm một việc thiện, cũng không được. Việc thiện là một việc tự nhiên mà người Phật-tử phải làm, không có gì đáng khoe khoang cả. Hơn nữa, nếu em giúp ai một điều gì, em nghĩ rằng: khi khác họ sẽ giúp lại mình, như vậy việc em làm chỉ là một sự đổi chát.

Nay các em đã hiểu việc thiện là gì, làm việc thiện như thế nào, vậy các em hãy cố gắng làm các việc thiện hằng ngày. Vì việc thiện không gì là khó khăn hay phải đem tiền của ra mới làm việc thiện được, mà bất cứ lúc nào, ở đâu, có tiền hay không. Các em cũng có thể làm việc thiện được. Các em đã làm việc thiện tức là đã thực hành đúng hạnh từ-bi của đức Phật, thật xứng đáng là người con của đấng Thế-Tôn. Làm việc thiện em lại còn được mọi người thương mến, và hiện-tại cũng như tương-lai em an vui sung sướng và được nhiều phước đức.

Từ nay mỗi em có một quyển sổ con, ghi lại tất cả những việc thiện hằng ngày, rồi cuối tuần hay cuối tháng em sẽ lật lại xem thử tuần ấy, tháng ấy, em đã làm nhiều hay ít việc thiện. Nếu ít, bữa sau gắng làm cho nhiều. Nếu nhiều, bữa sau gắng làm nhiều hơn nữa. Như thế mới xứng đáng một Oanh-vũ trong gia-đình Phật-tử Việt-Nam.

### ĐỨC - THƯƠNG



# HẠNH PHÚC

## VÀ MẠCH SỐNG

« Mến tặng gia-đình Phật-tử Phước-Hiệp  
và riêng bạn Tâm-Cương và Tâm-Lợi »

Trong quá khứ, hiện tại,  
cũng như tương-lai, con người  
thường băn khoăn tự hỏi :

Đâu là Hạnh - phúc, là  
Mạch-sống ?

Nhìn cuộc đời qua những  
cuộc bể dâu, con người băn-  
khôn và lo sợ trước cuộc  
sống. Một Hiền - triết Tây-  
phương đã nói « Tôi luôn luôn  
sống trong lo sợ, chết trong  
hoài nghi ». Vì lo sợ và băn-  
khôn nên tâm trí con người  
đặt ra những câu trả lời  
khác nhau.

Ngày nay, đối với tri thức  
của khoa-học đã tiến bộ, nhưng  
hỏi họ trước đây ba bốn mươi  
nghìn năm trên quả đất có gì,  
hỏi họ không làm sao trả lời  
được một cách thỏa đáng.

Đối với triết-học, vào một  
gia-vị siêu-hình, biết bao nhiêu  
lý-thuyết; nhưng chỉ làm  
lầm bết một phần nào sự đòi

hỏi hiểu biết của con người thời.  
Rốt cuộc, người ta chỉ nhận  
thấy vũ-trụ mông-lung chưa  
cần thiết mà khẩn thiết hơn  
là HẠNH PHÚC của con người.

Nhưng hạnh-phúc của con  
người phải giải quyết bằng  
cách nào? Đó là câu hỏi đối  
với con người không phải là  
không quan-trọng.

Khoa-học thường tự hào đã  
tiến-bộ lắm rồi, nhưng nền văn  
minh vật-chất đã xô đẩy con  
người đi xa ngoài lý tính, con  
người đã hướng cái phát minh  
« khoa - học » của mình vào  
mục-tiêu phụng sự cho chiến-  
tranh để mưu đồ danh - lợi,  
thỏa mãn địa-vị độc tôn Quốc-  
gia và cá nhân. Bom nguyên-  
tử ra đời; một đe dọa khủng  
khiếp đối với sự sống còn của  
nhân-loại, thế mà con người  
cho đó là đề tự-vệ rồi hợp lý  
hóa một cách vô điều kiện. Có  
người lại mê-tin cho rằng « Đó

là ý trời định vì tội lỗi của loài người nên trời hành phạt con người ngày tận thế».

Nguồn gốc của thảm họa chiến-tranh là do sự tham danh-lợi quá nặng nề của nhân-loại» (lời của Bác-sĩ André Migot). Con người có biết đau, con người đã bỏ rơi đời sống Tâm-Linh để chạy theo văn-minh của vật-chất, rồi dành-dắt, cấu-xé, bóc-lột, dấn-co và hục-hặc để thỏa-mãn lòng tham vô đáy của con người.

Ngày nay, làn sóng Duy-vật cực-đoan đang đe dọa tinh-thần của nhân-loại. Chúng ta những con người của thế-kỷ 20 phải gấp rút củng-cố lại đời sống tinh-thần, hướng về ANH SÁNG của TỬ-BI, HỖ XÃ và VI-THA.

Nền Văn-minh vật-chất có đảm bảo được hạnh-phúc con người? — chỉ khi nào con người biết phát triển tinh-thần đúng theo năng-lượng sẵn có của nó.

Không nên quá vu-vơ giữa mặt trông đợi ở một hạnh-phúc tự trời cao rơi xuống, rồi để cho bộ óc phiêu lưu vào những thế-giới siêu hình.

Ngày xưa Đức Phật thường dạy các đệ-tử của Ngài rằng: «Đà thế-giới này hữu cũng hay vô cũng, hữu hạn hay vô

hạn, đều mà chúng ta phải công nhận hiện tại là những sự khổ đau» Mặc dầu trong những lời dạy của Ngài thường giải-thích đến Vũ-tru, Nhân-sinh quan và giải-thoát quan, vì Ngài không muốn cho các Đệ-tử cũng như nhân-loại sau này quá suy tưởng vào những thế-giới suy-tưởng siêu hình, mà Ngài quả quyết rằng sẽ không đem lại một lợi ích thiết thực nào cho con người trong cuộc sống cả. Với trí-thức của phạm nhân làm sao hiểu được các pháp cao siêu ấy, nếu có suy tưởng cho lắm cũng chỉ mang lấy một chua chát nào nề trong thất vọng.

Đức Phật, trong một thời Ngài cầm trong tay một nắm lá hỏi các Đệ-tử của Ngài: «Này các con! lá trong tay ta nhiều hơn hay lá trong rừng nhiều hơn?» — Bạch Ngài, lá trong tay Ngài thì ít mà lá trong rừng thì nhiều quá «— Cũng thế đó, những cái ta biết thì nhiều, còn những cái ta đem dạy các con thì rất ít, vì sao ta không đem dạy các con, vì những cái ấy không đem lại sự giải-thoát nào cho các con cả».

Nhận thấy Đức Phật, Ngài chỉ vạch cho nhân-loại một con đường duy nhất để giải-thoát

là diệt lòng Tham. Khi lòng Tham đã diệt, Trí-Huệ càng phát-triển, phát minh Khoa-học càng tiến-bộ và xoay hướng lại phụng-sự cho Hòa-bình và Hạnh-phúc chung, đặt trên căn bản Bình-Đẳng và Từ-Bi, thì lẽ gì Thế-giới này không được An-Lạc ; một cảnh Niết-Bàn thực-tại tự hiện, để có đủ nhân-duyên cho con người đi vào sự giải-thoát hoàn toàn.

Chúng ta, những con người đã sanh vào giữa thế - kỷ nghiêm-trọng, nạn chiến-tranh đang lăm-le dưới mọi hình-thức ở khắp nơi, khắp chốn. Thế-hệ đòi hỏi ở ta một tinh-thần: Tôn trọng sự-thật và

sự-sống. Chúng ta có một thái-độ khách-quan đối với mọi khuynh - hướng Đạo - Lý rồi nhận lấy mạch sống, một mạch sống được xây-dựng trên căn-bản Từ-Bi, Trí-Huệ và Bình-Đẳng, để xứng đáng với địa-vị độc-tôn của con người trên trái đất.

Với khả năng sẵn có của con người, Đức Phật đã dạy cách đây gần 3000 năm: « NHÂN THỊ TỐI THẮNG » (Con người là hơn cả) vì con người có thể thực hiện được mọi sự tốt đẹp.

Mùa Thu năm Đinh-Dậu  
30/8/1957  
THANH-TÂM

## HỘP THƠ

Tòa-soạn có nhận đợc bài: « Bấy tình » của Bà Diệu-T. « Đạo Phật có phải là đạo của những kẻ bi-quan yếm thế không ? » của đạo-hữu Nguyễn-Đ. « Diệt khổ » của đạo hữu Nguyễn-hữu-Tr. « Cùng người Phật tử » của anh Hoàng văn-Tr. « Người Phật-tử mới » của Cô Hoài-S. « Thương Tâm » của Anh T. Đ. « Vượt phá » của Đ. B. « Chiếc áo màu lam » của cô Ngọc Y. « Thương em qua màu đạo » và khái niệm về « Triết lý đạo Phật » của Anh Thanh-T. « Tình thương » của anh Cao-hữu-L. « Nhạc » của Hương-S và Tâm-Đ.

Tòa soạn xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị, và sẽ lần lượt chọn đăng vào các số tới, hy-vọng quý vị tích cực sáng-tác, gửi về cho Tòa soạn.

L. T. S.

# Chiêm Bái Phật Tích

tại **AN - ID**

THÍCH MINH-CHÂU

(Tiếp theo)

Nalanda lập vào khoảng thế kỷ thứ nhất. Muốn đến Nalanda, có thể như chúng tôi, đi từ Rajgir đến, hoặc đi từ ga Bhaktiarpur cũng được. Tại Nalanda, có những thắng tích sau đây, đang được xem 1) Các ngọn tháp (Stupa) 2) Các Tinh xá và các Đại-học đường Phật-Giáo 3) Viện Bảo tàng.

## 1) 2): Các ngọn Tháp và Tinh Xá.

Ngọn tháp số 1 là ngọn cao lớn nhất. Một tầng cấp rộng đưa lên đến tận đỉnh tháp. Tại đây, có thể thấy toàn cảnh Na-lan-dà. Các tượng và hình khắc xung quanh ngọn tháp rất sai khác và chứng rõ được tác hoặc khắc nhiều thời khác nhau. Các tượng đá thuộc thời đại Gupta và có nhiều tượng đẹp nhất. Ngọn tháp chính ở giữa, xung quanh có nhiều tháp nhỏ, những tháp nhỏ này dùng chôn xác trà tỳ của những sư đệ-thể trong Phật-học Viện, nhỏ không to lớn như những tháp trong các Chùa Việt-Nam, có lẽ vì quá nhiều và những tháp này đều xây bọc xung quanh tháp chính. Trong một mái nhà gỗ, phía Đông Bắc ngôi tháp chính có tượng vị Bồ-Tát Avalokitesvara rất đẹp (dức Quán-thế-Âm). Một bức tượng về phía Đông Nam được xem là tượng của Ngài Nagarjuna (Long-Thọ) vị Viện-trưởng đầu tiên của Đại-Học Đường Nalanda. Tinh xá số 1 quan trọng nhất. Rất rộng và có đến 7 tầng lớp. Cửa vào về phía thành phương Bắc. Tầng lớp thứ nhất có lẽ là do Vua Sumatra dựng lên, vào đời vua Devapala, vua thứ ba của triều đại Pala (815-854 sau kỷ nguyên) Trước là một ngôi nhà hai tầng. Có hai ngôi tường trên và dưới là vì ngôi Tinh xá trên được lập



trên Tinh xá cũ ở dưới. Điện Phật của Tinh xá dưới về phía Đông. Có lẽ phải có một tượng Phật rất lớn tại chỗ ấy. Điểm đặc biệt của ngôi Tinh xá là có bệ đá, cả hai phía ngôi điện Phật, có lẽ để các vị giáo-sư đứng diễn giảng, trong khi các Học-sinh ngồi trên sàn dưới sâu. Có một giếng nước về gốc Tây Bắc. Xung quanh có những phòng nhỏ, chắc chắn là phòng ở của các vị học giả. Điểm đặc biệt của những phòng ấy là trần phòng hình vòng cung. Trong Tinh xá này, có đào lên được một tấm đá hột, tạc 7 sự tích đời sống đức Phật. Tấm ấy, hiện nay ở viện bác cổ Nalanda. Tấm cấp rộng, cùng vật dụng dùng nêu rõ nghệ-thuật kiến-trúc lúc bấy giờ tiến bộ nhiều. Tinh xá số 4 có hai điểm đặc biệt, một là có lỗ hở trên tường, tiếp theo tầng cấp, có lẽ xưa dựng làm lỗ ánh sáng cho tầng cấp, một kiến-trúc ít được thấy trong các nhà cửa lối cổ. Thứ hai có tìm thấy một đồng tiền thuộc triều đại vua Kumaragupta (413-455 sau kỷ nguyên), một trong những đồng tiền xưa nhất được tìm thấy tại Nalanda. Đi ngang qua Tinh xá số 5, chúng ta đến Tinh xá số 6. Tinh xá này có hai sân bằng gạch. Đây cũng là nhà hai tầng vì thấy có tầng cấp. Giữa sân thượng, có hai giầy lò lửa, có người cho là để nấu ăn. Nhưng chắc là để đựng đồ nhuộm y của chư Tăng, vì tại Tinh xá, không được phép để đồ nấu ăn. Phía Đông Bắc Tinh xá số 7, có khắc chạm sự tích về tiền thân đức Phật cùng nhiều tích thông thường khác. Phần đông các Tinh xá đều một kiểu giống nhau. Một sân vuông ở giữa, xung quanh là 2 hay 3 giầy phòng. Một mái hiên, có cột bằng đá hay bằng gạch chống đỡ, chạy dài theo những buồng ở. Giầy phía hướng về cửa vào thường là điện Phật thờ đức Phật hay một vị Bồ-Tát. Thỉnh thoảng có một giếng nước trong sân, như ở Tinh xá số 1. Tường đều trét thạch cao và sàn lát gạch hoặc đá. Điểm đặc biệt là tường rất dày, hơn một sải tay, vì mùa hạ ở Nalanda rất nóng. Chỉ trừ Tinh xá số 1A và 1B, các Tinh xá đều hướng về phía Tây, còn điện Phật thì hướng về hướng Đông, và cách ngang các Tinh xá bởi những giầy hành lang dài. Phía Bắc điện Phật số 3, là điện Phật số 12. Đây cũng có hai lớp thuộc hai thời đại. Tháp này có điểm đặc biệt là tường của ngọn Tháp đều có những khám

thờ, những trụ tạc nhiều tượng rất đẹp. Những khám đều có tượng Phật hoặc tượng Bồ-Tát nhưng chỉ ít tượng còn lại. Có những ngọn tháp, nền dài 170 feet và rộng 165 feet. Tháp số 14 có một chân tường rất lớn và còn lại mảnh nhỏ của những bức vẽ xưa. Đặc điểm này ít được thấy về phía Bắc-Ấn-Độ. Chắc chắn, chân tượng ấy có một tượng Phật rất lớn.

Hiện tại, công việc đào bới tìm lại những vết tích chưa được hoàn thành. Còn nhiều trụ đất cao chưa đào, chắc còn nhiều di tích chưa giữ ở dưới những mô đất ấy. Chúng tôi cũng nhận thấy tại những thửa ruộng xung quanh Phật-Học Viện Nalanda, dưới những luống cây, lại có những lớp gạch thành thữ dưới những ruộng ấy là những cổ tích xưa, vì lâu đời, đất cát bồi đắp lên thành che hẳn những tháp đền ở dưới. Sau dần chúng đến, cây cối, trồng trọt, không khác gì những mảnh đất thường thấy xung quanh.

### 3) Bảo tàng Viện

Sau khi đi thăm Nalanda, chúng tôi đến xem Viện Bảo tàng, vì những di-tích đào được ở Nalanda đều đem tàng trữ tại chỗ này. Có bốn loại được tàng trữ ở Bảo-Tàng Viện này: Các bia ký tượng, khuôn dấu và đồ gốm.

**a) Bia ký:** Những bia ký này rất quan trọng, giúp chúng ta hiểu lịch sử thật của di-tích đào được ở Nalanda trải qua những thời đại. Những chữ khắc này hoặc được khắc trên lá đồng, hoặc trên tượng đá, hoặc trên các tường hồ giả cầm thạch. Như bia ký đời vua Devapala, đã được nói đến trên. Bia ký trên lá đồng của Samudra Gupta, Devapala và Dharmapala tìm được ở Nalanda hiện đem về Bảo tàng ở Calcutta. Có hai bia ký trên đá ở Viện bảo tàng Nalanda, một của Yasovarmadeva, một của Vipulasrimitra. Bia ký đầu ghi những tặng phẩm của Malada, con một vị Bộ Trưởng của Vua Yasovarmadexa, vua xứ Kanouj, vào thế kỷ thứ 8, chỗ ngôi Tháp do vua Baladitya lập.

*(Còn tiếp)*

# TIN TỨC

## TIN TRONG NƯỚC

### Kinh lý Phật sự

Sau khi dự xong Đại-hội-đồng Tổng-hội Phật giáo Việt-Nam tại Nam-phần, Đại-đức Thích Mật-Nguyễn Trị-sự Trưởng Giáo-hội Tăng-già Trung phần liền trở về kinh lý Phật sự các Giáo-hội Tăng-già miền Trung. Nay đã về H U Ế.

### Cuộc xô số của Phật-giáo Trung-phần

Bộ Nội-vụ đã duyệt-y cho Giáo-hội Tăng-già và Hội-Phật-giáo Trung-phần tổ chức một cuộc xô số để kiến thiết Phật-học-Viện, Cuộc xô số này do Đại-đức Thích-Trí-Quang làm Chủ-toạ. Chi tiết Cuộc xô số xin đăng rõ số sau.

### Đại-Hội-Đồng thường niên của Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam

Đại-hội-đồng thường niên của Tổng-hội Phật-giáo V.N. đã họp vào những ngày 1,2,3 tháng 9 năm 1957 tại chùa Ấn-quang Chợ-lớn dưới quyền

chủ-toạ của Ngài Thích-Tịnh-Khiết Hội-chủ Tổng-hội.

Kỳ Đại hội này có giải quyết những vấn-đề quan trọng là :

1. — Thống nhất thật sự (xóa bỏ cái tập đoàn Trung, Nam, Bắc đều qui về khối) sau một cuộc thảo luận sôi nổi. Toàn thể Đại hội quyết-nghị trước hết phải bắt đầu thống nhất các ngành hoạt động của Tổng-hội. Mỗi vị ủy-viên chuyên môn phải thảo kế hoạch gửi cho các tập đoàn để tham khảo trước. Bản quyết-nghị này sẽ gửi đến ban Quản-trị Trung-ương duyệt y và phổ biến các tập đoàn thi hành. Muốn cho phương pháp này mau kết-quả, từ nay ban Quản-trị Trung-ương phải mời các vị Trị-Sự Trưởng và Hội-Trưởng của 6 tập đoàn 3 Phần để giải-quyết những vấn-đề tổng quát.

2. — Tờ Phật-giáo Việt-nam từ nay hai tháng xuất bản một kỳ, có thêm một phần

gọi là « kỹ-yếu » trong đó ghi rõ những sinh hoạt của Tổng-hội, và cổ động cho đường lối của các ngành như : Văn-hóa, Nghi lễ, Từ-thiện v.v.

3. — Giao cho Ủy-Viên văn-hóa tổ chức một phái-đoàn đi thăm các Phật tích trong nước, thu thập tài liệu: tranh ảnh đề án hành một tập về P. G. V. N.

4. — Từ nay dùng niên-hiệu của Phật-lịch thế-giới. Cách tính năm thì bắt từ rằm tháng 4 này đến rằm tháng 4 năm sau. (Thế là từ rằm tháng tư năm Đinh-Dậu (1957) đến rằm tháng 4 năm Mậu-Tuất (1958) là năm 2501)

5. — Giáo-hội Tăng-già Việt-nam trừ liệu thỉnh một vị Phó-Hội-Chủ, thay thế Ngài Cố phó Hội-chủ Huệ-Quang.

## THẾ GIỚI

**ĐÀI-BẮC** — Ngài Nam-Đình Pháp-Sur vì cảm thấy phong hóa suy đồi, lòng người phóng túng, nên muốn đề cao lòng hiếu-dạo của đức Địa-Tạng Bồ-Tát để bồi-dắp quốc-bản, giữ-gìn luân thường. Bắt đầu từ 1 tháng 7 âm-lịch tại chùa Hoa-Nghiêm Ngài giảng giải kinh Địa-Tạng Bồ-Tát bốn nguyên công - đức, hấp dẫn

được rất nhiều người dự-thính.

Thiền-dạo-tự, chùa lớn nhất ở Đài-bắc đã cử hành pháp-hội Đức Quán-thế-Âm vào ngày 19 tháng 6 âm-lịch từ chúng tham - dự đến 9000 người, một thanh-huống từ trước đến nay chưa có.

**HƯƠNG-CẢNG** — Ngài Tục-minh pháp sư, trước đây soạn bộ Học-Phật thông-giải, được rất đông các giới hoan nghinh cho là hy-hữu, mong được tái-bản, nay Ngài Nguyên-Quả Pháp-Sur đã đồng ý với tác-giả trừ liệu tái bản và sắp đem phát-hành.

**NHẬT-BẢN** — Trong ngày 6 và 7 tháng 7 Âm-lịch Hội Ấn-độ Phật-giáo-học đã mượn Trường Đại-học Cao-dã-sơn mở cuộc hội nghị thứ 8 về học thuật. Cuộc Hội nghị này Hội-hữu Lương-Trung-Thị đưa ra đề-nghị « bỏ các giới nhỏ mọn », và Giáo-thọ Trung-Thôn - Thị đưa ra đề - nghị « diễn giảng luận-văn Ấn-độ chức-nghiệp luận-lý »: ngoài ra các vị Giáo-Thọ và Học-sinh Đại-học P. G. đều được tự do diễn-giảng để phát-biểu ý-kiến.